

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17/5/2023

“Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 326/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kpuih T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Làng B 1, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Kơ Pă B, sinh năm 1986

Địa chỉ: Làng G, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Kpuih T trình bày:

Chị Kpuih T và anh Kơ Pă B là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã I, huyện P. Trong quá trình chung sống, anh Kơ Pă B thường

xuân rệu chè không chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Đến ngày 03/8/2018 chị Kpuih T và anh Kơ Pă B đã giải quyết ly hôn theo tục lệ làng và sống ly thân cho đến nay. Nay chị Kpuih T yêu cầu ly hôn với anh Kơ Pă B.

Về con chung: Chị Kpuih T và anh Kơ Pă B có 4 con chung là Kpuì D, sinh ngày 13/5/2017; Kpuì Dân D1, sinh ngày 23/02/2009; Kpuì H D2, sinh ngày 04/11/2011; Kpuì S, sinh ngày 14/12/2004. Chị T yêu cầu được nuôi con chung là Kpuì D, sinh ngày 13/5/2017; Kpuì Dân D1, sinh ngày 23/02/2009; Kpuì H D2, sinh ngày 04/11/2011. Không yêu cầu anh Kơ Pă B cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kpuih T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn anh Kơ Pă B đến làm việc, nhưng anh Kơ Pă B không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Anh Kơ Pă B cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Kpuih T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Kơ Pă B, yêu cầu nuôi con chung là Kpuì D, sinh ngày 13/5/2017; Kpuì Dân D1, sinh ngày 23/02/2009; Kpuì H D2, sinh ngày 04/11/2011, không yêu cầu anh Kơ Pă B cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên toà, bị đơn là anh Kơ Pă B đã được triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt.:

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kpuih T đối với anh Kơ Pă B.

+ Về con chung: Giao các cháu Kpuì D, sinh ngày 13/5/2017; Kpuì Dân D1, sinh ngày 23/02/2009; Kpuì H D2, sinh ngày 04/11/2011 cho chị Kpuih T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

Đơn khởi kiện; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao căn cước công dân; Bản sao giấy khai sinh; Bản phô tô sổ hộ khẩu; Đơn yêu cầu không hòa giải đoàn tụ; Biên bản làm việc không yêu cầu trợ giúp pháp lý và phiên dịch; Bản tự khai của nguyên đơn; biên bản xác minh, biên bản ghi lời khai con chưa thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Kpuih T yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với anh Kơ Pă B. Đơn khởi kiện của chị Kpuih T phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Kơ Pă B hiện cư trú tại Làng G, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Kơ Pă B đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Kơ Pă B vắng mặt lần hai do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Chị Kpuih T và anh Kơ Pă B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện P vào năm 2008, anh Kơ Pă B và chị Kpuih T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Kơ Pă B và chị Kpuih T chung sống hạnh phúc một thời gian thì anh Kơ Pă B và chị Kpuih T phát sinh mâu thuẫn. Từ 2018, anh Kơ Pă B và chị Kpuih T đã chấm dứt quan hệ vợ chồng theo tục lệ của địa phương và sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, anh Kơ Pă B đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Kơ Pă B và chị Kpuih T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kpuih T.

[3] Về con chung: Anh Kơ Pă B và chị Kpuih T có 04 (bốn) con chung là Kpuoi D, sinh ngày 13/5/2017; Kpuoi Dân D1, sinh ngày 23/02/2009; Kpuoi H D2, sinh ngày 04/11/2011 và Kpuoi S, sinh ngày 14/12/2004. Xét cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Xét yêu cầu của chị Kpuih T, thấy rằng các con chung hiện đang do chị Kpuih T trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng, việc giao các con chung cho chị Kpuih T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn giao con chung là Kpui D, sinh ngày 13/5/2017; Kpui Dân D1, sinh ngày 23/02/2009; Kpui H D2, sinh ngày 04/11/2011 cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng. Riêng con chung là Kpui S, sinh ngày 14/12/2004, hiện con chung Kpui S đã trưởng thành, tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Kpuih T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kpuih T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kpuih T được ly hôn với anh Kơ Pă B.
2. Về con chung:

Giao con chung là Kpui D, sinh ngày 13/5/2017; Kpui Dân D1, sinh ngày 23/02/2009; Kpui H D2, sinh ngày 04/11/2011 cho chị Kpuih T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình (Theo nguyện vọng của con chung).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc chị Kpuih T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0004756 ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị Kpuih T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Kpuih T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/5/2023). Anh Kơ Pă B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng